

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	811.35	105.52	52.48
% ngày	-3.12%	-0.64%	-1.75%
% tuần	-5.96%	-5.67%	-3.71%
% tháng	-10.02%	2.14%	-3.54%
% năm	-15.00%	-1.87%	-4.52%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	5,378	856	291
TB 1 tuần	4,194	906	284
TB 1 tháng	3,685	659	337
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	631.99	2.53	47.04
Bán	877.69	17.71	68.94
Giá trị ròng	-245.70	-15.18	-21.90
Độ rộng TT			
Mã Tăng	72	52	146
Mã Giảm	248	95	111
Không Đổi	72	224	646
Chỉ số chính			
P/E	12.76	8.90	14.07
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,873	199	788
LS Cổ tức	2.82%	5.82%	5.18%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index suy yếu nhẹ trong phiên sáng nhưng diễn biến trở nên tiêu cực trong phiên chiều khiến khi nhóm bluechip bị bán mạnh trở lại. Chỉ số chốt phiên giảm 3.12% đóng cửa tại 811.35 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm 0.64% đóng cửa tại 105.52 điểm trong khi Upcom-Index cũng nổi gót giảm 1.75%. Mặc dù giảm điểm nhưng biên độ giảm đã hạ nhiệt so với các phiên gần đây. Điểm tiêu cực là lực bán vẫn còn mạnh với giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục ở mức cao đạt hơn 5,150 tỷ đồng toàn thị trường.

Nhóm Ngân hàng, Chứng khoán bị bán mạnh khi nhiều mã như BID, VPB, TCB, STB, HCM, SSI cùng với PNJ, VJC, MWG, CTD, GAS giảm sàn. VNM(-0.1%) là cổ phiếu trụ đáng chú ý nhờ lực cầu khối ngoại trong 3 phiên gần đây hay VHM trụ tại mốc tham chiếu và có dấu hiệu hỗ trợ ở vùng 71,000 đồng/cp. Một số mã đầu cơ vẫn đi ngược thị trường như QCG(+6.9%), AMD(+6.9%), HAI(+6.9%), HQC(+6.1%)...

Khối ngoại nổi dài chuỗi phiên bán ròng với giá trị 282 tỷ đồng toàn thị trường. HPG(60 tỷ), VJC(57.1 tỷ), E1VFN30(48.8 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM(123.6 tỷ) tiếp tục được khối ngoại mua ròng tích cực theo sau bởi CTG(25.6 tỷ).

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng xác suất hình thành đáy ngắn hạn đang có chiều hướng gia tăng. Theo mô hình định lượng của chúng tôi, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm sâu dưới 20%, thường là dấu hiệu nhận biết vùng đáy có thể sẽ sớm hình thành trong ngắn hạn và chiến lược ngắn hạn lúc này là nên hạn chế bán tháo ở các nhịp giảm mạnh. Đồng thời, vùng hỗ trợ 778 – 780 điểm được xem là vùng hỗ trợ mạnh cho chỉ số VN-Index cho nên chúng tôi đánh giá lực bất đáy có thể sẽ sớm được kích hoạt trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 860.83 điểm của chỉ số VN-Index và 112.09 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế bán tháo ở các nhịp giảm mạnh và ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu ở nhịp hồi phục. Đồng thời, nếu các nhà đầu tư ưa thích lướt sóng T+ thì có thể xem xét mua với tỷ trọng rất thấp ở các nhịp giảm trong phiên tới.

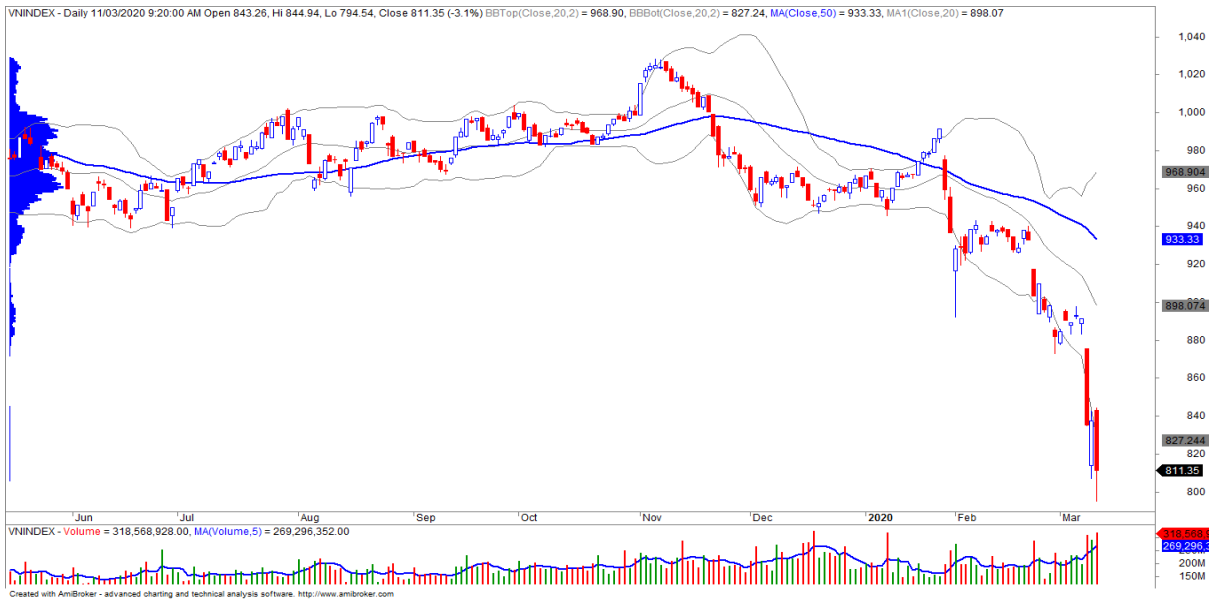
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 15% cổ phiếu/85% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.80	GIẢM	GIẢM		12.14			12.35	11.21	-9.22%	
ACB	23.40	GIẢM	TĂNG		26.12			24.00	23.02	-2.50%	
ACV	57.90	TĂNG	GIẢM	57.00	55.18	1.58%			65.25		
ANV	16.40	GIẢM	GIẢM		17.93				20.46		
ASM	5.55	TĂNG	GIẢM	5.80	5.49	-4.31%			6.48		
BFC	11.70	TĂNG	GIẢM	11.20	11.61	4.46%		12.25	12.24	-0.08%	MUA
BID	39.45	GIẢM	GIẢM		46.56				53.53		
BMP	39.40	GIẢM	GIẢM		42.09				45.49		
BSR	7.10	GIẢM	GIẢM		7.84				8.84		
BVH	45.60	GIẢM	GIẢM		53.72				63.61		
BWE	19.90	GIẢM	GIẢM		20.80				22.61		
CEO	7.60	GIẢM	GIẢM		8.01				9.26		
CII	21.50	GIẢM	GIẢM		22.44				24.94		
CMG	27.25	GIẢM	GIẢM		31.37				34.69		
CMX	11.90	TĂNG	TĂNG	13.60	11.65	-12.50%		13.50	9.24	-11.85%	
CSM	14.80	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.40	20.82%	
CTD	60.50	GIẢM	TĂNG	68.40	63.64	-6.96%	BÁN	64.20	56.00	-5.76%	
CTG	23.20	GIẢM	GIẢM		26.30			23.55	24.15	2.55%	
CTR	39.70	GIẢM	GIẢM		44.72			49.70	40.69	-18.12%	
CVT	17.00	GIẢM	GIẢM		18.40				21.59		
DCM	5.87	GIẢM	TĂNG		6.11			6.18	5.63	-5.02%	
DGC	22.90	GIẢM	GIẢM		24.25				26.66		
DGW	23.55	GIẢM	GIẢM	27.35	24.08	-11.95%	BÁN	25.20	24.11	-4.34%	
DHA	31.80	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	-0.16%			32.52		
DHC	38.10	GIẢM	TĂNG		40.35			37.70	36.02	1.06%	
DHG	89.40	GIẢM	TĂNG		94.64			99.50	88.63	-10.15%	
DIG	12.60	TĂNG	TĂNG	13.60	12.54	-7.35%		12.55	11.62	0.40%	
DPG	25.20	GIẢM	GIẢM		30.23				32.83		
DPM	11.80	GIẢM	GIẢM		12.72				12.75		
DPR	37.00	GIẢM	TĂNG		38.95			41.30	36.21	-10.41%	
DQC	13.95	TĂNG	GIẢM	13.95	13.94	0.00%	MUA		15.72		
DRC	19.70	GIẢM	GIẢM		22.21				25.67		
DXG	11.80	GIẢM	GIẢM	12.95	12.01	-7.23%	BÁN		13.70		
EIB	16.80	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-5.62%		18.40	16.46	-8.70%	



We Create Fortune

FCN	8.18	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FMC	21.30	GIẢM	GIẢM		22.66				26.06		
FPT	50.80	GIẢM	GIẢM		54.30				56.69		
GAS	63.80	GIẢM	GIẢM		74.67				90.12		
GEX	15.20	GIẢM	GIẢM		17.02				19.98		
GIL	16.75	GIẢM	GIẢM		19.38			18.90	17.41	-7.89%	
GMD	17.70	GIẢM	GIẢM		18.90				21.10		
GTN	15.30	GIẢM	GIẢM		17.03				19.23		
GVR	12.40	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	5.08%			12.77		
HAG	3.18	GIẢM	GIẢM		3.51				3.78		
HAX	11.75	TĂNG	GIẢM	12.70	11.28	-7.48%			15.20		
HBC	9.13	GIẢM	GIẢM		10.73				12.07		
HCM	15.20	GIẢM	GIẢM		17.83				20.42		
HDB	24.50	GIẢM	GIẢM		27.63			29.95	25.76	-13.99%	
HDC	16.50	GIẢM	GIẢM		19.64				23.28		
HDG	22.35	GIẢM	GIẢM		25.87				29.65		
HNG	13.20	GIẢM	GIẢM		13.65				14.51		
HPG	20.55	GIẢM	GIẢM		22.36				25.33		
HSG	6.55	GIẢM	GIẢM		7.46			7.75	7.52	-2.99%	
HT1	12.80	GIẢM	GIẢM		13.95			16.90	13.91	-17.69%	
HUT	1.90	GIẢM	GIẢM		2.19				2.43		
HVN	22.55	GIẢM	GIẢM		24.77				28.55		
KBC	13.45	GIẢM	GIẢM		14.87				15.94		
KDH	23.00	GIẢM	GIẢM		24.07				26.24		
KSB	16.90	GIẢM	TĂNG		20.17			19.65	15.18	-13.99%	
LCG	6.10	GIẢM	GIẢM	6.75	6.18	-8.38%	BÁN		7.50		
LDG	6.19	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-7.06%			7.48		
LHG	12.90	GIẢM	GIẢM		14.25				16.11		
LPB	7.50	GIẢM	TĂNG		8.41			7.40	6.18	1.35%	
MBB	18.20	GIẢM	GIẢM		20.34				22.55		
MPC	20.00	GIẢM	TĂNG		22.01			24.10	17.55	-17.01%	
MSN	49.95	TĂNG	GIẢM	54.40	49.55	-8.18%			56.41		
MSR	14.70	TĂNG	GIẢM	15.00	13.81	-2.00%			16.05		
MWG	87.40	GIẢM	GIẢM		98.79				117.69		
NDN	14.40	GIẢM	GIẢM		15.34				16.36		
NKG	6.96	GIẢM	GIẢM		7.87				9.51		
NLG	23.50	GIẢM	GIẢM		26.04				27.39		
NT2	19.20	GIẢM	TĂNG		20.04			20.55	18.73	-6.57%	
NTL	16.60	GIẢM	GIẢM		19.72				22.81		

We Create **Fortune**

NVL	53.00	GIẢM	GIẢM		55.11				57.76		
OIL	6.50	GIẢM	GIẢM		7.09				8.11		
PAC	21.90	GIẢM	GIẢM		22.37				25.39		
PC1	13.40	GIẢM	GIẢM		14.88				17.12		
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%		29.00	25.19	-12.07%	
PHR	44.50	TĂNG	TĂNG	38.50	44.01	15.58%		47.20	37.52	-5.72%	
PLX	40.90	GIẢM	GIẢM		46.76				55.87		
PNJ	68.60	GIẢM	GIẢM		77.36				89.81		
POW	9.02	GIẢM	GIẢM		10.11				11.22		
PVT	10.45	GIẢM	GIẢM		11.98				14.12		
PPC	24.10	GIẢM	GIẢM		26.66			28.40	24.97	-12.09%	
PTB	54.00	GIẢM	GIẢM		59.64				70.04		
PVB	12.60	GIẢM	GIẢM		14.10				17.59		
PVD	10.05	GIẢM	GIẢM		11.87				14.16		
PVI	29.80	TĂNG	GIẢM	30.80	27.24	-3.25%			33.18		
PVS	12.00	GIẢM	GIẢM		14.67				17.60		
PXS	4.03	GIẢM	GIẢM		4.77			5.24	4.92	-6.18%	BÁN
QNS	24.50	GIẢM	GIẢM		25.91				28.68		
REE	29.85	GIẢM	GIẢM		31.50				34.93		
SAB	152.00	GIẢM	GIẢM		166.48				195.99		
SAM	9.79	GIẢM	TĂNG		9.98			7.40	8.90	32.30%	
SCR	4.59	GIẢM	GIẢM		5.28				5.86		
SHI	8.75	GIẢM	TĂNG		9.10			6.99	8.30	25.18%	
SJS	17.85	GIẢM	TĂNG		19.97			17.00	16.65	5.00%	
SKG	10.30	GIẢM	GIẢM		11.12				12.01		
SSI	14.50	GIẢM	GIẢM		16.45				18.57		
STB	10.65	GIẢM	TĂNG		12.17			10.20	10.31	4.41%	
TCB	19.30	GIẢM	GIẢM		22.05				23.81		
TCM	15.50	GIẢM	GIẢM		18.02				21.66		
TDH	8.35	GIẢM	GIẢM		9.10				10.67		
TLH	3.05	GIẢM	GIẢM		3.29				3.93		
TNG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
VCB	77.00	GIẢM	GIẢM		82.61				92.54		
VCG	25.00	GIẢM	GIẢM		26.11				26.09		
VCS	60.00	GIẢM	GIẢM		65.98				77.55		
VGC	17.75	GIẢM	GIẢM		18.48				18.80		
VGT	7.90	GIẢM	TĂNG		8.42			9.10	7.69	-13.19%	
VHC	27.05	GIẢM	GIẢM		31.69				38.00		
VHM	76.50	GIẢM	GIẢM		78.58				90.60		



We Create Fortune

VIB	16.60	GIẢM	GIẢM		18.12			17.70	16.76	-5.29%	
VIC	97.00	GIẢM	GIẢM		101.74				112.47		
VIP	4.68	GIẢM	GIẢM		5.01			5.54	4.93	-11.08%	
VJC	106.50	GIẢM	GIẢM		117.86				134.50		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.40	14.05	0.00%	MUA		14.82		
VNG	15.90	GIẢM	GIẢM		16.57				18.94		
VNM	101.60	GIẢM	GIẢM		104.83				115.83		
VPB	24.20	GIẢM	GIẢM		27.82			21.90	24.70	12.77%	
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.35			41.30	40.58	-0.73%	
VRC	5.66	GIẢM	GIẢM		7.06				9.77		
VRE	26.00	GIẢM	GIẢM		27.93				33.13		
VSC	22.50	GIẢM	GIẢM		24.49				27.06		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.40	GIẢM	TĂNG		26.12			24.00	23.02	-2.50%	
BID	39.45	GIẢM	GIẢM		46.56				53.53		
BSR	7.10	GIẢM	GIẢM		7.84				8.84		
BVH	45.60	GIẢM	GIẢM		53.72				63.61		
CTG	23.20	GIẢM	GIẢM		26.30			23.55	24.15	2.55%	
FPT	50.80	GIẢM	GIẢM		54.30				56.69		
GAS	63.80	GIẢM	GIẢM		74.67				90.12		
GEX	15.20	GIẢM	GIẢM		17.02				19.98		
GVR	12.40	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	5.08%			12.77		
HDB	24.50	GIẢM	GIẢM		27.63			29.95	25.76	-13.99%	
HNG	13.20	GIẢM	GIẢM		13.65				14.51		
HPG	20.55	GIẢM	GIẢM		22.36				25.33		
HVN	22.55	GIẢM	GIẢM		24.77				28.55		
KDH	23.00	GIẢM	GIẢM		24.07				26.24		
MBB	18.20	GIẢM	GIẢM		20.34				22.55		
MSN	49.95	TĂNG	GIẢM	54.40	49.55	-8.18%			56.41		
MWG	87.40	GIẢM	GIẢM		98.79				117.69		
NVL	53.00	GIẢM	GIẢM		55.11				57.76		
OIL	6.50	GIẢM	GIẢM		7.09				8.11		
PLX	40.90	GIẢM	GIẢM		46.76				55.87		
PNJ	68.60	GIẢM	GIẢM		77.36				89.81		



We Create Fortune

POW	9.02	GIẢM	GIẢM		10.11				11.22		
QNS	24.50	GIẢM	GIẢM		25.91				28.68		
REE	29.85	GIẢM	GIẢM		31.50				34.93		
ROS	6.05	GIẢM	GIẢM		7.80				11.48		
SBT	18.30	GIẢM	GIẢM		20.41			17.50	20.07	14.66%	
SSI	14.50	GIẢM	GIẢM		16.45				18.57		
STB	10.65	GIẢM	TĂNG		12.17			10.20	10.31	4.41%	
TCB	19.30	GIẢM	GIẢM		22.05				23.81		
TPB	21.00	GIẢM	GIẢM		21.64				23.94		
VCB	77.00	GIẢM	GIẢM		82.61				92.54		
VCG	25.00	GIẢM	GIẢM		26.11				26.09		
VCS	60.00	GIẢM	GIẢM		65.98				77.55		
VEA	32.00	GIẢM	GIẢM		37.46				59.45		
VGI	24.50	GIẢM	TĂNG		27.38			28.30	24.29	-13.43%	
VHM	76.50	GIẢM	GIẢM		78.58				90.60		
VIB	16.60	GIẢM	GIẢM		18.12			15.00	16.76	11.73%	
VIC	97.00	GIẢM	GIẢM		101.74				112.47		
VJC	106.50	GIẢM	GIẢM		117.86				134.50		
VNM	101.60	GIẢM	GIẢM		104.83				115.83		
VPB	24.20	GIẢM	GIẢM		27.82			21.90	24.70	12.77%	
VRE	26.00	GIẢM	GIẢM		27.93				33.13		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
KDC	17.25	GIẢM	GIẢM		18.37				20.12		
KOS	27.60	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	4.94%	
KSB	16.90	GIẢM	TĂNG		20.17			19.10	15.18	-11.52%	
LDG	6.19	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-7.06%			7.48		
LPB	7.50	GIẢM	TĂNG		8.41			7.40	6.18	1.35%	
MBG	14.30	GIẢM	GIẢM	17.70	14.42	-18.54%	BÁN		26.71		
MBS	9.50	GIẢM	GIẢM		10.62				12.76		
MPC	20.00	GIẢM	TĂNG		22.01			24.10	17.55	-17.01%	
NBB	19.00	GIẢM	GIẢM		19.86				21.34		
NKG	6.96	GIẢM	GIẢM		7.87				9.51		
NLG	23.50	GIẢM	GIẢM		26.04				27.39		
NT2	19.20	GIẢM	TĂNG		20.04			20.55	18.73	-6.57%	

We Create Fortune

NTL	16.60	GIẢM	GIẢM		19.72			22.81		
NVB	8.60	GIẢM	GIẢM		9.13		8.50	8.62	1.36%	
OGC	3.11	GIẢM	GIẢM		3.39			3.70		
PC1	13.40	GIẢM	GIẢM		14.88			17.12		
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%	23.59	25.19	8.07%	
PHR	44.50	TĂNG	TĂNG	38.50	44.01	15.58%	47.20	37.52	-5.72%	
PPC	24.10	GIẢM	GIẢM		26.66		28.40	24.97	-12.09%	
PTB	54.00	GIẢM	GIẢM		59.64			70.04		
PVD	10.05	GIẢM	GIẢM		11.87			14.16		
PVI	29.80	TĂNG	GIẢM	30.80	27.24	-3.25%		33.18		
PVS	12.00	GIẢM	GIẢM		14.67			17.60		
PVT	10.45	GIẢM	GIẢM		11.98			14.12		
QCG	7.29	TĂNG	TĂNG	4.00	6.25	82.25%	4.28	3.30	70.33%	
SCR	4.59	GIẢM	GIẢM		5.28			5.86		
SGP	5.20	GIẢM	GIẢM		6.27			7.68		
SHB	11.10	GIẢM	TĂNG		12.31		7.10	6.67	56.34%	
SHS	7.00	GIẢM	TĂNG		8.30		7.90	6.08	-11.39%	
SZC	15.90	GIẢM	TĂNG		17.58		17.85	13.63	-10.92%	
TCH	25.25	GIẢM	GIẢM		30.53			43.32		
TCM	15.50	GIẢM	GIẢM		18.02			21.66		
TDH	8.35	GIẢM	GIẢM		9.10			10.67		
TNG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.66		15.50	13.32	-14.04%	
TTB	3.05	GIẢM	GIẢM		3.55			5.36		
VGC	17.75	GIẢM	GIẢM		18.48			18.80		
VGT	7.90	GIẢM	TĂNG		8.42		9.10	7.69	-13.19%	
VHC	27.05	GIẢM	GIẢM		31.69			38.00		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.40	14.05	0.00%	MUA	14.82		
VNG	15.90	GIẢM	GIẢM		16.57			18.94		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.35		41.30	40.58	-0.73%	
KDC	17.25	GIẢM	GIẢM		18.37			20.12		
KOS	27.60	GIẢM	TĂNG		28.51		26.30	26.55	4.94%	
KSB	16.90	GIẢM	TĂNG		20.17		19.10	15.18	-11.52%	
LDG	6.19	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-7.06%		7.48		
LPB	7.50	GIẢM	TĂNG		8.41		7.40	6.18	1.35%	
MBG	14.30	GIẢM	GIẢM	17.70	14.42	-18.54%	BÁN	26.71		
MBS	9.50	GIẢM	GIẢM		10.62			12.76		
MPC	20.00	GIẢM	TĂNG		22.01		24.10	17.55	-17.01%	
NBB	19.00	GIẢM	GIẢM		19.86			21.34		
NKG	6.96	GIẢM	GIẢM		7.87			9.51		



We Create Fortune

NLG	23.50	GIẢM	GIẢM		26.04				27.39		
NT2	19.20	GIẢM	TĂNG		20.04			20.55	18.73	-6.57%	
NTL	16.60	GIẢM	GIẢM		19.72				22.81		
NVB	8.60	GIẢM	GIẢM		9.13			8.50	8.62	1.36%	
OGC	3.11	GIẢM	GIẢM		3.39				3.70		
PC1	13.40	GIẢM	GIẢM		14.88				17.12		
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%		23.59	25.19	8.07%	
PHR	44.50	TĂNG	TĂNG	38.50	44.01	15.58%		47.20	37.52	-5.72%	
PPC	24.10	GIẢM	GIẢM		26.66			28.40	24.97	-12.09%	
PTB	54.00	GIẢM	GIẢM		59.64				70.04		
PVD	10.05	GIẢM	GIẢM		11.87				14.16		
PVI	29.80	TĂNG	GIẢM	30.80	27.24	-3.25%			33.18		
PVS	12.00	GIẢM	GIẢM		14.67				17.60		
PVT	10.45	GIẢM	GIẢM		11.98				14.12		
QCG	7.29	TĂNG	TĂNG	4.00	6.25	82.25%		4.28	3.30	70.33%	
SCR	4.59	GIẢM	GIẢM		5.28				5.86		
SGP	5.20	GIẢM	GIẢM		6.27				7.68		
SHB	11.10	GIẢM	TĂNG		12.31			7.10	6.67	56.34%	
SHS	7.00	GIẢM	TĂNG		8.30			7.90	6.08	-11.39%	
SZC	15.90	GIẢM	TĂNG		17.58			17.85	13.63	-10.92%	
TCH	25.25	GIẢM	GIẢM		30.53				43.32		
TCM	15.50	GIẢM	GIẢM		18.02				21.66		
TDH	8.35	GIẢM	GIẢM		9.10				10.67		
TNG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
TTB	3.05	GIẢM	GIẢM		3.55				5.36		
VGC	17.75	GIẢM	GIẢM		18.48				18.80		
VGT	7.90	GIẢM	TĂNG		8.42			9.10	7.69	-13.19%	
VHC	27.05	GIẢM	GIẢM		31.69				38.00		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.40	14.05	0.00%	MUA		14.82		
VNG	15.90	GIẢM	GIẢM		16.57				18.94		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.35			41.30	40.58	-0.73%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	5.70	GIẢM	GIẢM		6.57				7.88		
AGR	3.07	GIẢM	GIẢM		3.33				3.76		
AMD	3.73	TĂNG	TĂNG	2.35	3.16	58.72%		3.06	2.28	21.90%	MUA
APG	9.40	GIẢM	TĂNG		10.09			9.90	9.37	-5.05%	
ART	2.40	GIẢM	TĂNG	2.80	2.45	-12.68%	BÁN	2.30	2.12	4.35%	
BCG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.58				7.24		
C4G	4.60	GIẢM	GIẢM		5.41				6.98		
C69	5.30	GIẢM	GIẢM		6.37				10.52		
CCL	5.56	GIẢM	GIẢM	6.40	5.77	-9.86%	BÁN		7.40		
CVT	17.00	GIẢM	GIẢM		18.40				21.59		
DAH	8.50	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.73	GIẢM	GIẢM		1.98				2.21		
DRH	5.56	GIẢM	TĂNG	3.63	5.95	63.89%	BÁN	4.70	3.67	18.30%	
DTD	10.90	GIẢM	TĂNG		12.24			12.40	8.90	-12.10%	
EVG	2.44	TĂNG	GIẢM	2.55	2.35	-4.31%			2.73		
FIT	5.90	GIẢM	GIẢM		7.03				9.74		
FTM	1.80	GIẢM	GIẢM		2.05				2.92		
FUES SV50	11.10	GIẢM	GIẢM		11.96				12.88		
GKM	15.90	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	6.00%		14.90	14.87	6.71%	
HAH	10.05	GIẢM	GIẢM		10.76				11.79		
HAI	3.55	TĂNG	TĂNG	3.04	2.85	16.78%		3.34	3.33	6.29%	MUA
HAR	3.05	TĂNG	GIẢM	3.52	3.05	-13.35%			4.02		
HDA	7.30	GIẢM	GIẢM		7.84				9.15		
HHP	13.50	TĂNG	TĂNG	13.80	12.48	-2.17%		13.20	13.13	2.27%	MUA
HHS	4.17	GIẢM	TĂNG		5.08			3.36	3.91	24.11%	
HID	2.86	GIẢM	TĂNG		2.95			2.63	2.16	8.75%	
HII	13.05	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	18.64%	
HQC	1.21	TĂNG	TĂNG	1.15	1.00	5.22%		1.15	1.15	5.22%	MUA
HSL	5.14	GIẢM	GIẢM		5.87				7.17		
HUT	1.90	GIẢM	GIẢM		2.19				2.43		
HVG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.73				8.50		
HVH	10.00	GIẢM	GIẢM		10.86				13.90		
IDJ	15.30	GIẢM	TĂNG		18.84			7.20	12.83	112.50%	
JVC	3.39	GIẢM	GIẢM		3.64				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.60	1.39	0.00%		1.50	1.33	6.67%	
LCG	6.10	GIẢM	GIẢM	6.75	6.18	-8.38%	BÁN		7.50		
LGL	5.30	GIẢM	GIẢM		6.10				7.15		
LHG	12.90	GIẢM	GIẢM		14.25				16.11		
LMH	1.73	GIẢM	GIẢM		2.18				4.15		
MST	5.60	GIẢM	TĂNG	6.90	6.05	-12.26%	BÁN	3.40	5.46	64.71%	
NDN	14.40	GIẢM	GIẢM		15.34				16.36		
PHC	10.30	GIẢM	GIẢM		10.76				11.50		
PLP	9.44	TĂNG	GIẢM	10.05	8.65	-6.07%			10.52		
PVB	12.60	GIẢM	GIẢM		14.10				17.59		
PVC	5.80	GIẢM	GIẢM		6.22				6.78		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.17				1.29		
PXL	7.70	GIẢM	TĂNG		8.46			6.70	6.88	14.93%	
SHI	8.75	GIẢM	TĂNG		9.10			5.77	8.30	51.77%	
SJF	1.45	GIẢM	GIẢM		1.65				2.06		
SPP	1.40	GIẢM	GIẢM		1.61				2.01		
TDC	7.86	GIẢM	GIẢM		8.16				8.84		
TIG	6.40	GIẢM	TĂNG		7.40			3.20	5.94	100.00%	
TLH	3.05	GIẢM	GIẢM		3.29				3.93		
TNA	17.00	GIẢM	GIẢM		19.09				21.92		
TNI	10.00	GIẢM	TĂNG		10.28			10.90	9.99	-8.26%	
TSC	2.02	GIẢM	GIẢM		2.35				2.89		
TTF	2.59	GIẢM	TĂNG	2.58	2.64	2.28%	BÁN	2.85	2.40	-9.12%	
TTH	2.30	GIẢM	GIẢM		2.58				2.88		
TVC	29.00	GIẢM	TĂNG		30.59			14.30	26.65	102.80%	
VC3	15.20	GIẢM	GIẢM		15.93				17.53		
VCR	9.00	GIẢM	TĂNG		11.59			12.90	7.61	-30.23%	
VNA	2.50	GIẢM	GIẢM		2.97				3.80		
VNE	3.56	GIẢM	GIẢM		3.91			3.85	3.70	-3.89%	MUA
VRC	5.66	GIẢM	GIẢM		7.06				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	811.35	-3.12%	HNI	105.52	-0.64%	UPCoM	52.48	-1.75%
VN30	758.16	-3.97%	HN30	188.78	-1.69%			
VN Mid	805.06	-2.56%	VNX	729.97	-3.18%			
VN Small	684.43	-2.14%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	631.99		Mua	2.53		Mua	47.04	
Bán	877.69		Bán	17.71		Bán	68.94	
GT ròng	-245.7		GT ròng	-15.18		GT ròng	-21.90	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAI	230	6.93%	SHB	1000	9.90%	ACV	1000	1.76%
QCG	470	6.89%	CEO	100	1.33%	BSR	100	1.43%
AMD	240	6.88%	VCG	300	1.21%	SIP	1000	1.43%
VND	900	6.67%	TNG	100	0.78%	LPB	100	1.35%
HQC	70	6.14%	TVC	100	0.35%	PXL	100	1.32%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CMG	-2050	-7.00%	L14	-4500	-10.00%	VEA	-3000	-8.57%
VJC	-8000	-6.99%	MBG	-1500	-9.49%	DVN	-500	-4.27%
YEG	-5000	-6.96%	PVS	-900	-6.98%	LTG	-300	-1.76%
BID	-2950	-6.96%	VCS	-2900	-4.61%	MCH	-900	-1.36%
PVD	-750	-6.94%	TIG	-300	-4.48%	VIB	-200	-1.19%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	328,096		ACB	38,762		ACV	126,283	
VCB	285,584		SHB	19,484		MCH	46,062	
VHM	251,648		VCG	11,043		VEA	45,200	
VNM	176,924		VCS	9,600		BCM	23,704	
BID	158,669		PVI	6,887		BSR	21,992	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	18,789,590	0	SHB	29,777,117	0	BSR	4,072,814	0
HQC	17,371,670	0	ACB	8,046,422	0	LPB	3,475,439	0
HAI	14,583,690	0	KLF	5,707,565	0	VIB	2,299,568	0
AMD	12,343,670	0	PVS	5,137,376	0	VEA	914,160	0
FLC	12,052,170	0	ART	3,484,556	0	ACV	840,922	0

Nguồn: Bloomberg & YSVN

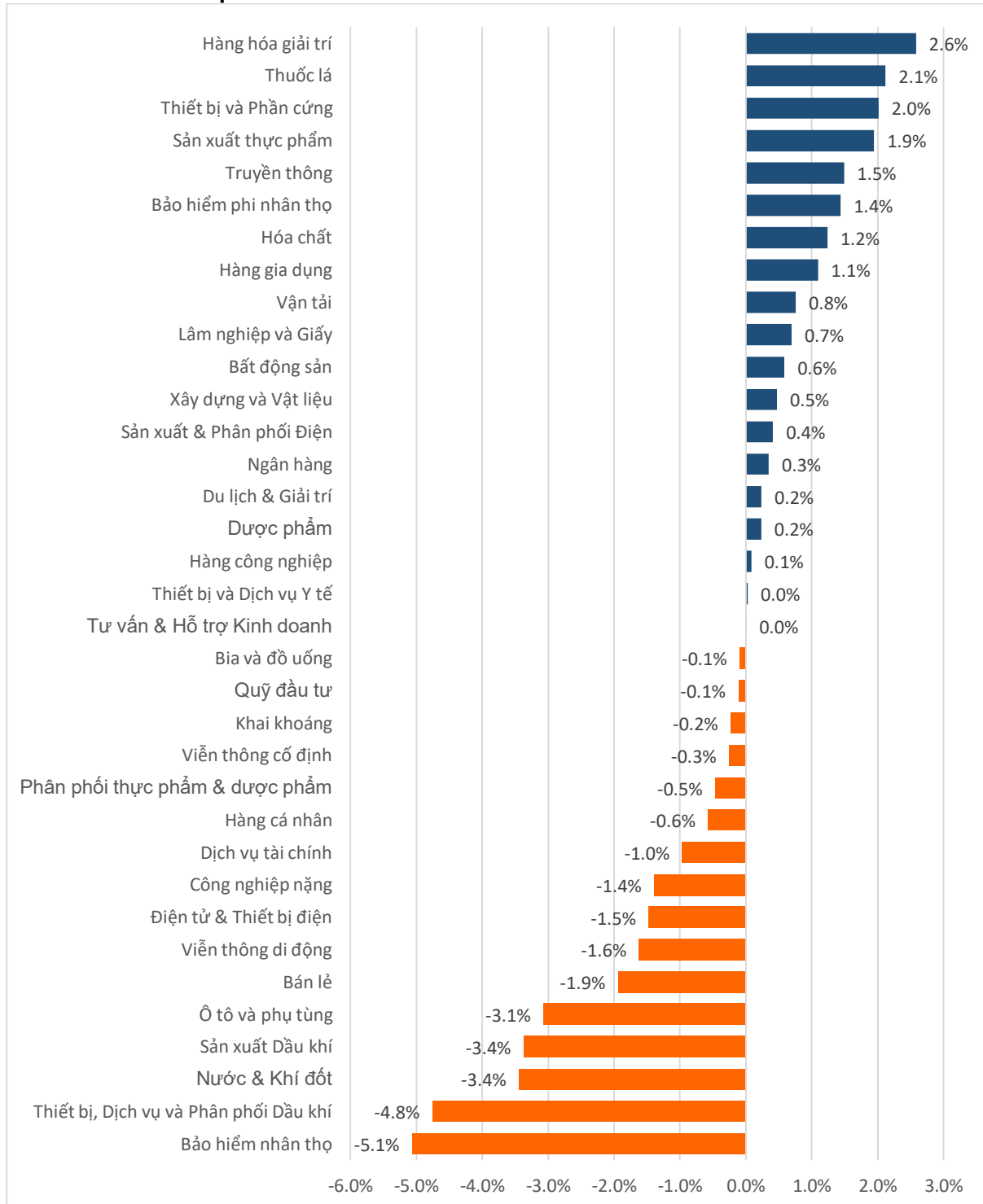
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



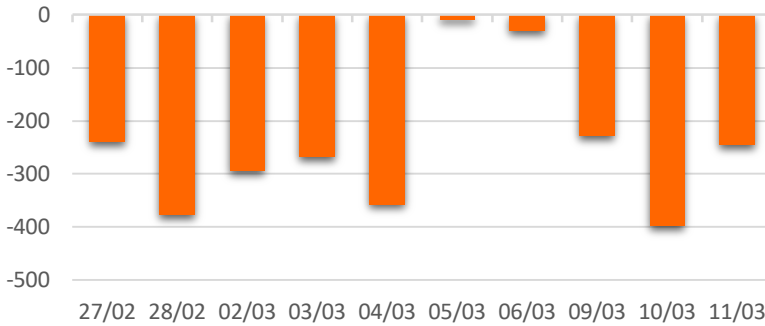
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

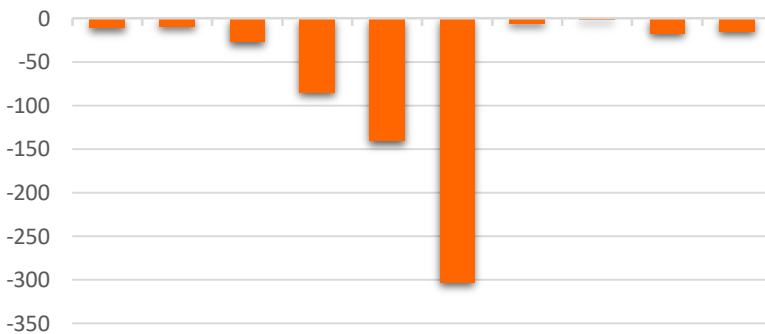
THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



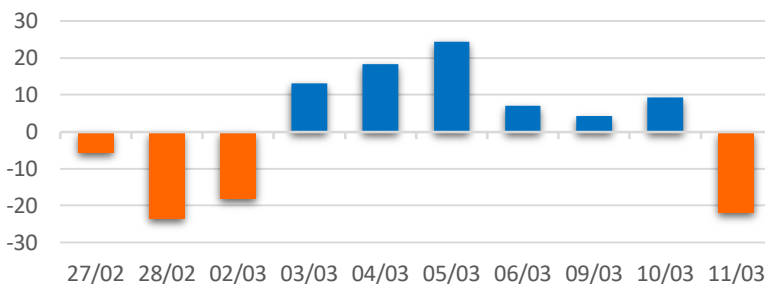
27/02 28/02 02/03 03/03 04/03 05/03 06/03 09/03 10/03 11/03

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



27/02 28/02 02/03 03/03 04/03 05/03 06/03 09/03 10/03 11/03

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



27/02 28/02 02/03 03/03 04/03 05/03 06/03 09/03 10/03 11/03

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	123,626	HPG	60,079
CTG	25,616	VJC	57,152
PHR	13,288	E1VFN30	48,842
SAB	5,652	VRE	42,818
DHC	4,632	GAS	37,349

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	596	PVS	14,876
SLS	401	SHB	915
LAS	269	TNG	362
ART	87	TTZ	167
NTP	85	DGC	143

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
KDF	189	ACV	15,569
VEA	134	BSR	5,864
EMS	38	QNS	1,255
CTR	37	FOC	189
ABI	34	ORS	87

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



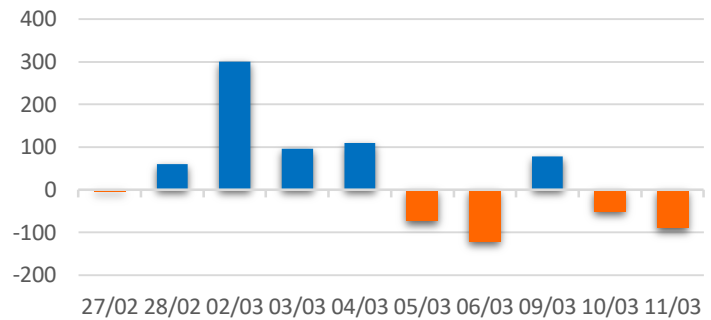
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

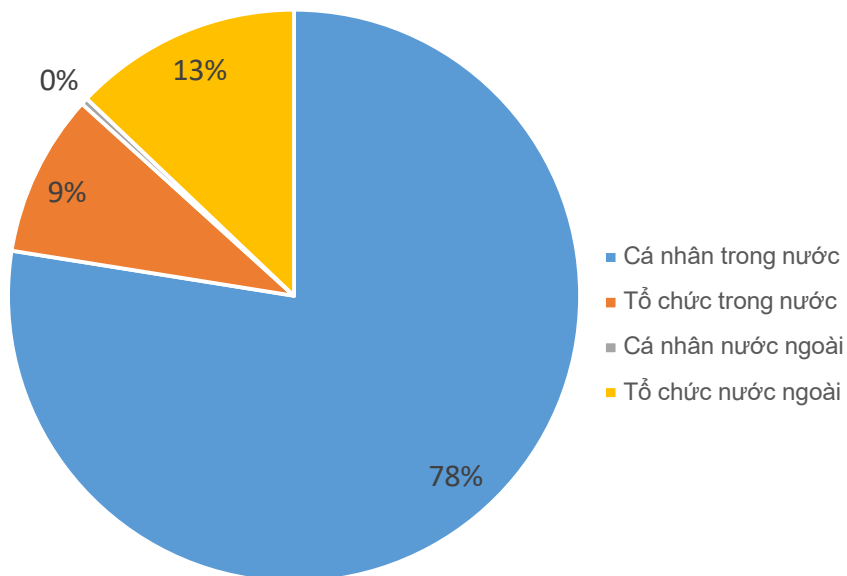
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	58,851	MBB	29,976
FPT	25,564	VNM	22,911
MSN	22,749	FPT	19,401
VPB	18,028	VIC	15,499
MWG	9,599	HPG	15,470

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

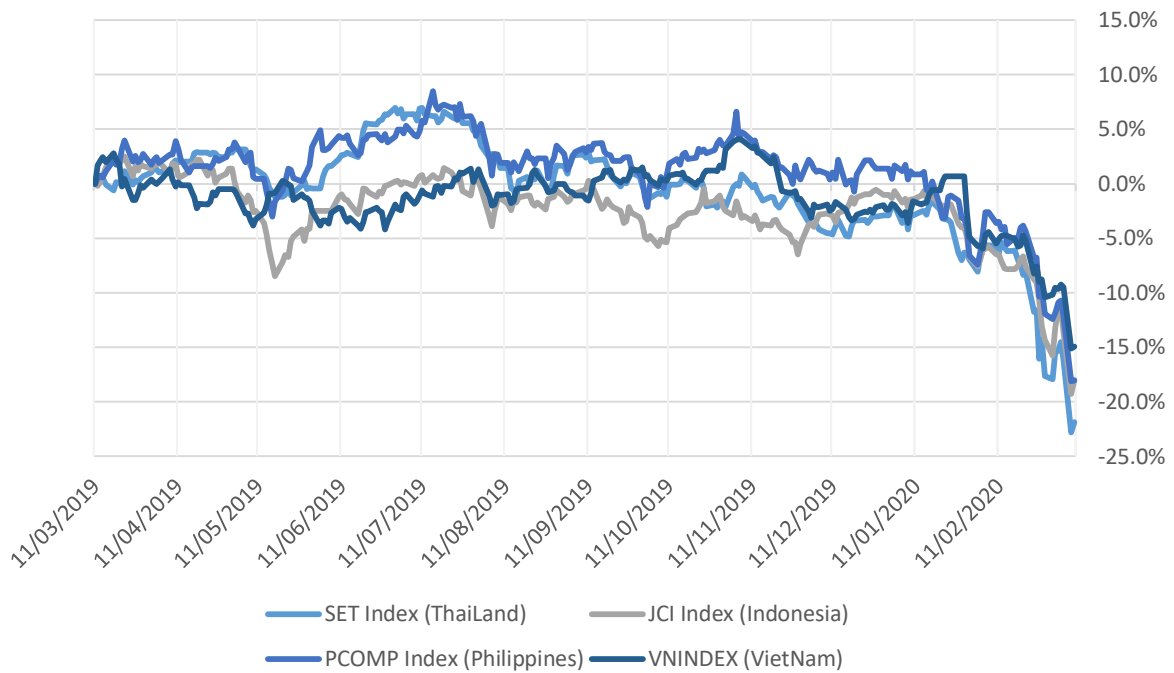


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

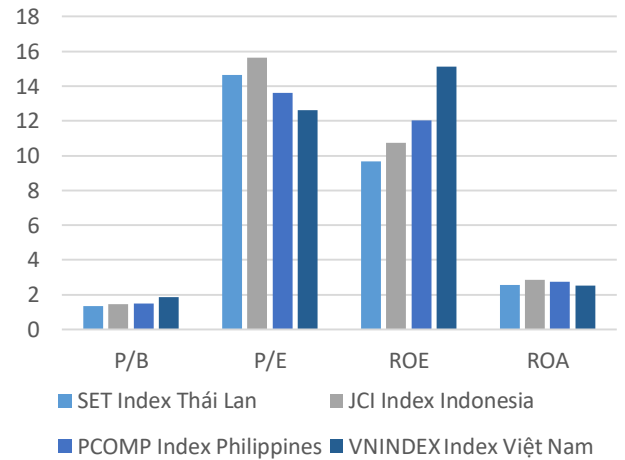
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.3x	1.5x	1.5x	1.9x
P/E		14.6x	15.6x	13.6x	12.6x
ROE	%	9.68	10.73	12.02	15.11
ROA	%	2.56	2.84	2.74	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	433.56	421.45	155.93	123.71
GTGD	Triệu USD	2.17	0.42	0.13	0.16
LS cổ tức	%	4.03	3.10	1.96	2.46

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written